**Products(sản phẩm) gồm các thuộc tính**:

Id:chỉ mã của sản phẩm. Mỗi sản phẩm sẽ có một id khác nhau. thường được sử dụng để định danh duy nhất cho mỗi bản ghi trong một bảng dữ liệu. Chức năng của nó là giúp cho việc tìm kiếm, cập nhật và xóa dữ liệu trong bảng trở nên dễ dàng và chính xác hơn.

Thuộc tính Id giúp cho việc quản lý và truy xuất dữ liệu trong cơ sở dữ liệu trở nên dễ dàng hơn. Nó giúp cho các bản ghi trong bảng được xác định một cách duy nhất và có thể được tham chiếu đến từ các bảng khác.ví dụ như: một sản phẩm thì người mua có thể thêm vào cart hoặc là order details hoặc Để người quản lý trang web phân loại các sản phẩm chúng ta có thể tham chiếu từ bảng sản phẩm sang các bảng cart,categories,order\_details để quản lý và làm việc một cách dễ dàng và chính xác nhất.

Name: Thuộc tính Name giúp cho việc quản lý và truy xuất dữ liệu trong cơ sở dữ liệu trở nên dễ dàng hơn. Nó giúp cho các bản ghi trong bảng được xác định một cách duy nhất và có thể được tham chiếu đến từ các bảng khác.

bảng Products có thể chứa các thông tin về các sản phẩm khác nhau mà trang web bán hàng cung cấp, bao gồm tên sản phẩm, mô tả sản phẩm, giá cả và số lượng sản phẩm còn lại. Thuộc tính Name sẽ cho phép bạn đặt tên cho các sản phẩm này, giúp khách hàng của bạn có thể dễ dàng nhận biết và tìm kiếm các sản phẩm mà họ cần. Ngoài ra, bạn có thể sử dụng thuộc tính Name để sắp xếp và nhóm các sản phẩm trong bảng theo thứ tự từ A đến Z hoặc ngược lại.

originlPrice : Trong bảng Products, thuộc tính originalPrice có ý nghĩa là lưu trữ giá gốc (original price) của sản phẩm. Đây là giá cả ban đầu được định giá bởi nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp. Thuộc tính này thường được sử dụng để so sánh với giá bán hiện tại của sản phẩm (giá bán lẻ), giúp người dùng biết được mức giảm giá hoặc tăng giá so với giá gốc.

Việc sử dụng thuộc tính originalPrice trong bảng Products có thể giúp cho việc quản lý giá cả sản phẩm trở nên dễ dàng hơn. Nó giúp cho quản trị viên, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có thể quản lý và theo dõi các thông tin liên quan đến giá cả của sản phẩm, như giá nhập khẩu, giá bán buôn, giá bán lẻ, giá khuyến mãi, giảm giá, v.v. Bên cạnh đó, thuộc tính originalPrice cũng giúp cho người dùng có thể đánh giá tính cạnh tranh của sản phẩm với các sản phẩm tương tự khác trên thị trường.

PromotionPrice: Trong bảng Products, thuộc tính PromotionPrice có ý nghĩa là lưu trữ giá bán khuyến mãi (promotion price) của sản phẩm. Đây là giá cả được áp dụng cho sản phẩm trong thời gian giới hạn hoặc trong các chương trình khuyến mãi. Thuộc tính này cho phép người dùng biết được giá bán lẻ hiện tại của sản phẩm khi đang được khuyến mãi.

Việc sử dụng thuộc tính PromotionPrice trong bảng Products có thể giúp cho việc quản lý giá cả sản phẩm trở nên dễ dàng hơn trong các chương trình khuyến mãi. Nó giúp cho quản trị viên, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có thể quản lý và theo dõi giá bán khuyến mãi của sản phẩm. Bên cạnh đó, thuộc tính PromotionPrice cũng giúp cho người dùng có thể đánh giá tính cạnh tranh của sản phẩm trong thị trường trong thời gian đang được khuyến mãi.

Imgage: Trong bảng Products, thuộc tính Image có ý nghĩa lưu trữ đường dẫn (URL) đến hình ảnh của sản phẩm. Thuộc tính này cho phép người dùng có thể xem hình ảnh của sản phẩm để dễ dàng hình dung và đánh giá sản phẩm trước khi quyết định mua.

Việc sử dụng thuộc tính Image trong bảng Products có thể giúp cho việc quản lý sản phẩm trở nên dễ dàng hơn. Nó giúp cho quản trị viên, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có thể quản lý và cập nhật hình ảnh sản phẩm một cách thuận tiện. Bên cạnh đó, thuộc tính Image cũng giúp cho người dùng có thể đánh giá sản phẩm một cách chính xác hơn trước khi quyết định mua hàng.

CreatedDate: Trong bảng Products, thuộc tính CreatedDate có ý nghĩa lưu trữ thời gian tạo ra sản phẩm. Thuộc tính này cho phép quản trị viên, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có thể quản lý sản phẩm theo thời gian tạo ra. Nó giúp cho người dùng có thể đánh giá sự mới mẻ của sản phẩm và đưa ra quyết định mua hàng dựa trên thời gian tạo ra sản phẩm.

Việc sử dụng thuộc tính CreatedDate trong bảng Products có thể giúp cho việc quản lý sản phẩm trở nên dễ dàng hơn. Nó giúp cho quản trị viên, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có thể quản lý và theo dõi sản phẩm theo thời gian tạo ra. Bên cạnh đó, thuộc tính CreatedDate cũng có thể hỗ trợ cho việc quản lý hàng tồn kho, đặc biệt là các sản phẩm có ngày sản xuất quá lâu hoặc hết hạn sử dụng.

CateId: Trong bảng Products, thuộc tính CateId (Category ID) có ý nghĩa lưu trữ mã số (ID) của danh mục (category) mà sản phẩm đó thuộc về. Thuộc tính này giúp cho việc quản lý và phân loại sản phẩm trở nên dễ dàng hơn.

Việc sử dụng thuộc tính CateId trong bảng Products cho phép người dùng có thể tìm kiếm sản phẩm theo danh mục một cách nhanh chóng và dễ dàng. Nó cũng giúp cho quản trị viên hoặc nhà cung cấp có thể quản lý sản phẩm theo danh mục và áp dụng các chiến lược phân loại sản phẩm phù hợp.

Bên cạnh đó, thuộc tính CateId trong bảng Products còn có thể kết hợp với bảng Category (danh mục sản phẩm) để tạo thành quan hệ liên kết giữa hai bảng. Quan hệ này giúp cho người dùng có thể truy vấn và lấy thông tin từ hai bảng đồng thời, từ đó giúp cho quản lý sản phẩm trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn.

Qty: Trong bảng Products, thuộc tính Qty (Quantity) có ý nghĩa lưu trữ số lượng sản phẩm còn lại trong kho. Thuộc tính này giúp cho người quản lý sản phẩm có thể cập nhật thông tin số lượng sản phẩm hiện có trong kho một cách chính xác và nhanh chóng.

Việc sử dụng thuộc tính Qty trong bảng Products giúp cho người dùng có thể biết được số lượng sản phẩm còn lại trong kho và đưa ra quyết định mua hàng một cách chính xác. Đặc biệt, khi số lượng sản phẩm trong kho giảm dần, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp có thể dựa trên thông tin này để lên kế hoạch sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa mới.

Bên cạnh đó, thuộc tính Qty trong bảng Products cũng giúp cho người quản lý sản phẩm có thể dễ dàng quản lý và kiểm soát số lượng hàng tồn kho, đặc biệt là trong các trường hợp có sự thay đổi về số lượng sản phẩm trong kho.

Des: Trong bảng Products, thuộc tính Des (Description) có ý nghĩa lưu trữ mô tả về sản phẩm. Thuộc tính này cho phép người dùng có thể miêu tả chi tiết về sản phẩm, đưa ra thông tin về tính năng, đặc điểm, ưu điểm, hướng dẫn sử dụng, cách bảo quản, v.v.

Việc sử dụng thuộc tính Des trong bảng Products giúp cho người dùng có thể xem thông tin chi tiết về sản phẩm, đưa ra quyết định mua hàng một cách chính xác. Ngoài ra, thuộc tính Des còn giúp cho người quản lý sản phẩm có thể cập nhật thông tin sản phẩm một cách dễ dàng và hiệu quả.

Bên cạnh đó, thuộc tính Des trong bảng Products cũng có thể giúp cho người quản lý sản phẩm tiếp cận được với nhu cầu của khách hàng, đưa ra mô tả sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Điều này sẽ giúp tăng độ tin cậy và độ chính xác trong cung cấp thông tin sản phẩm, đồng thời tạo sự thu hút với khách hàng.

Status: Trong bảng Products, thuộc tính Status (trạng thái) có ý nghĩa định nghĩa trạng thái hiện tại của sản phẩm trong hệ thống quản lý sản phẩm. Thuộc tính này cho phép người dùng có thể xác định sản phẩm đang ở trạng thái nào, ví dụ như đang được bán, đã hết hàng, tạm ngưng bán, v.v.

Việc sử dụng thuộc tính Status trong bảng Products giúp cho người dùng có thể theo dõi và quản lý trạng thái của sản phẩm trong kho. Bên cạnh đó, thông tin về trạng thái của sản phẩm cũng giúp cho người quản lý sản phẩm có thể cập nhật thông tin sản phẩm một cách dễ dàng và hiệu quả.

Điều quan trọng cần lưu ý, thuộc tính Status trong bảng Products cũng giúp cho người quản lý sản phẩm có thể quản lý và kiểm soát các hoạt động bán hàng của sản phẩm một cách nhanh chóng và chính xác. Nếu sản phẩm đã hết hàng, người quản lý sản phẩm có thể cập nhật thông tin sản phẩm một cách nhanh chóng và hiệu quả để tránh việc khách hàng đặt hàng nhưng không thể mua được sản phẩm.

SoldCount: Trong bảng Products, thuộc tính SoldCount (số lượng bán) có ý nghĩa định nghĩa số lượng sản phẩm đã được bán ra trong hệ thống quản lý sản phẩm. Thuộc tính này cho phép người dùng có thể biết được mức độ phổ biến của sản phẩm trong thị trường, đồng thời cũng giúp người quản lý sản phẩm có thể quản lý số lượng sản phẩm trong kho một cách hiệu quả hơn.

Việc sử dụng thuộc tính SoldCount trong bảng Products giúp cho người dùng có thể theo dõi và đánh giá mức độ phổ biến của sản phẩm. Khi sản phẩm được bán nhiều, thuộc tính SoldCount sẽ tăng lên và ngược lại. Việc đánh giá mức độ phổ biến của sản phẩm này rất quan trọng để đưa ra các quyết định về sản phẩm như cung cấp thêm số lượng sản phẩm vào kho, tăng giá bán hay giảm giá, v.v.

Ngoài ra, thuộc tính SoldCount cũng giúp cho người quản lý sản phẩm có thể quản lý số lượng sản phẩm trong kho một cách hiệu quả. Khi sản phẩm được bán nhiều, người quản lý sản phẩm có thể tiến hành nhập thêm số lượng sản phẩm vào kho để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Từ đó, giúp tăng doanh số bán hàng và cải thiện hiệu quả kinh doanh.

=> Bảng Products trong cơ sở dữ liệu được sử dụng để lưu trữ thông tin về các sản phẩm được bán trong hệ thống quản lý sản phẩm. Chức năng của bảng Products bao gồm:

1. Lưu trữ thông tin sản phẩm: Bảng Products lưu trữ các thông tin liên quan đến sản phẩm như mã sản phẩm,tên sản phẩm, giá bán, giá khuyến mãi, số lượng sản phẩm, miêu tả sản phẩm, hình ảnh, danh mục sản phẩm, ngày tạo sản phẩm, trạng thái sản phẩm, số lượng sản phẩm đã bán, v.v. Nhờ đó, các thông tin này sẽ giúp cho người dùng có thể tìm kiếm, lựa chọn và mua sản phẩm phù hợp.
2. Quản lý số lượng sản phẩm trong kho: Bảng Products cung cấp thông tin về số lượng sản phẩm trong kho và số lượng sản phẩm đã bán. Nhờ đó, người quản lý sản phẩm có thể quản lý số lượng sản phẩm trong kho một cách chính xác và hiệu quả. Khi số lượng sản phẩm trong kho giảm, người quản lý sản phẩm có thể tiến hành nhập thêm sản phẩm vào kho để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
3. Quản lý giá bán và giá khuyến mãi: Bảng Products cho phép người quản lý sản phẩm cập nhật giá bán và giá khuyến mãi của sản phẩm. Khi giá bán hoặc giá khuyến mãi thay đổi, bảng Products sẽ cập nhật lại thông tin và đưa ra các báo cáo về doanh số bán hàng, giá trị doanh số bán hàng, v.v.
4. Xây dựng các chiến lược marketing: Bảng Products cung cấp thông tin về số lượng sản phẩm đã bán, giá bán và giá khuyến mãi. Nhờ đó, người quản lý sản phẩm có thể xây dựng các chiến lược marketing để thu hút khách hàng mua sản phẩm. Ví dụ, giảm giá sản phẩm trong thời gian giới hạn để tăng doanh số bán hàng.

Với các chức năng trên, bảng Products có vai trò quan trọng trong quản lý sản phẩm và kinh doanh của doanh nghiệp.